TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 88/2018/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 29 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 67 /2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Hưng Yên

*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Thế A; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện M, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thế A

2/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thế A thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thế A không có con chung, chị N hiện không có thai. Chị N, anh Thế A tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức**: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thế A đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 013317 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, trả lại chị N số tiền 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng).

3/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *VKSND huyện M*
- *Chi cục T.H.A DS huyện M.*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Hoàng Tuấn Trọng